

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/ DS - ST

Ngày: 31-01- 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Hải

2. Ông Nguyễn Hoàn Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân- Thư ký Tòa án nhân dân h. Hoàng Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Trang, KSV

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST- DS, ngày 21 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST- DS, ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ph, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: thôn T, xã Hoàng Đ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Hoàng Đình S sinh năm 1948. vắng mặt

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952.

Đều địa chỉ: thôn T, xã Hoàng Đ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2023, bản tự khai ngày 27/12/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị Ph trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2018 ông Hoàng Đình S có rủ tôi tham gia chơi phường họ. Số tiền tôi nộp cho ông S hàng tháng đầy đủ. Tổng số tiền tôi nộp cho ông S là 64.000.000đồng , khi tôi bốc họ thì ông Sâm, bà V có hỏi vay lại

của tôi có viết giấy nhận nợ, nhất một năm sau sẽ trả cho tôi. Ngày 15/02/2020 âm lịch ông S có trả cho tôi được 1.000.000đồng nên ông S, bà V còn nợ lại tôi 63.000.000đồng.

Ngoài số tiền vay từ chơi họ ra ông S còn vay của tôi số tiền 60.000.000đồng, khi vay ông S có viết giấy cho tôi vào ngày 25/3/2018 dương lịch đối với khoản nợ này ông S chưa trả cho tôi được một đồng nào tiền gốc.

Như vậy tổng số tiền ông S nợ tôi là 123.000.000 đồng. Nay tôi đề nghị ông S phải trả cho tôi toàn bộ số tiền nợ trên; bà V phải liên đới trả cùng với ông S số tiền ông bà vay của tôi là 63.000.000đồng; Tiền lãi: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai ngày 08/01/2024 bị đơn ông Hoàng Đình S trình bày: Năm 2018 tôi mở phường bà Hoàng Thị Phg có chơi phường. Tôi(S) là người đứng cái phường số tiền chốt phường là 64.000.000đồng tôi đề nghị được vay lại của bà Phg có giấy nhận nợ ngày 04/7/2019. Đến ngày 15/02/2020 âm lịch tôi(S) đã trả được 1.000.000 đồng. Nay tôi còn nợ lại bà Ph 63.000.000đồng.

Ngày 25/3/2018 Tôi(S) có vay số tiền 60.000.000đồng của bà Ph. Tôi thừa nhận cả hai khoản vay trên. Tổng cộng cả hai khoản vay nợ của bà Phg là 123.000.000đồng, tôi sẽ có trách nhiệm trả cho bà Ph nhưng đề nghị được trả dần.

Tại lời khai ngày 24/01/2024 của bà Nguyễn Thị V trình bày: Tôi và ông S có mối quan hệ vợ chồng. Giấy vay tiền ngày 25/3/2018 của ông Hoàng Đình S nợ bà Ph với số tiền 60.000.000đồng, số tiền này ông S đứng ra vay với bà Ph tôi không có liên quan. Nay bà Ph yêu cầu tôi trả nợ, tôi đề nghị khoản vay này ông S vay, ông S sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà Ph.

Đối với khoản vay ngày 04/7/2019 là số tiền chốt từ tiền phường của bà Ph lấy. Sau đó tôi và ông S có đề nghị được vay số tiền bốc phường của bà Ph, bà Ph đồng ý. Số tiền vay là 64.000.000đồng. Ngày 15/2/2020(âm lịch) ông S đã trả được cho bà Ph 1.000.000đồng.

Như vậy khoản vay ngày 04/7/2019 tôi và ông S sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà Ph là 63.000.000 đồng. Tôi đề nghị được trả dần.

Về lãi xuất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Ph. Buộc bị đơn ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà Ph số tiền là: 63.000.000 đồng của giấy vay 04/7/2019. Ngoài ra ông S còn phải trả cho bà Ph số tiền 60.000.000 đồng của giấy vay ngày 25/3/2018.

+ Về án phí: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông S, bà V thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Hoàng Thị Ph khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải trả nợ. Căn cứ vào quy định tại Điều 68 BLTTDS xác định bà Hoàng Thị Ph là nguyên đơn, ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V là bị đơn.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Ông Hoàng Đình S, bà Nguyễn Thị V có địa chỉ tại xã Hoằng Đ, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Ph thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật*: Các bên ký kết hợp đồng vay (cụ thể giấy vay nợ) trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên có giá trị pháp lý. Làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Nguyên đơn là bà Hoàng Thị Ph, bị đơn là ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V nên xác định đây là Hợp đồng vay tài sản đã được hai bên ký kết.

2. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ vay nợ giữa bà Hoàng Thị Ph và ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V.

Về số tiền gốc: Bà Hoàng Thị Ph , ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V đều xác định. Ông S bà V có vay của và bà Ph số tiền nợ, hai bên ký kết hợp đồng vay. Quá trình giải quyết vụ án ông S thừa nhận cả hai giấy vay 25/3/2018

và giấy vay ngày 04/7/2019 ông đều đứng ra vay ông sẽ có trách nhiệm trả cho bà Ph, nhưng ông đề nghị được trả dần; Bà Nguyễn Thị V chỉ thừa nhận giấy vay ngày 04/7/2019 với số tiền 64.000.000 đồng đã trả được 1.000.000 đồng còn lại nợ 63.000.000 đồng. Tổng cộng cả hai khoản vay là 123.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà Hoàng Thị Phg cho rằng: Do tin tưởng nhau là hàng xóm nên khi ông S hỏi vay số tiền và vay số tiền bà bốc họ bà đồng ý cho ông S bà V vay: Giấy vay ngày 25/3/2018 số tiền vay 60.000.000 đồng hẹn khi nào cần lấy thì bà Phg báo trước cho ông S một tháng; giấy vay ngày 04/7/2019 số tiền 64.000.000 đồng đã trả 1.000.000 đồng còn nợ lại 63.000.000 đồng. Tổng cộng cả hai khoản vay là 123.000.000 đồng bà Phg yêu cầu ông S phải trả toàn bộ số tiền nợ trên cho bà; bà V trả cùng ông S khoản nợ 63.000.000 đồng. Ông S thừa nhận số tiền nợ trên, ông sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà Phg. Bà V thừa nhận số tiền nợ ngày 04/7/2019 cùng vay với ông Sâm còn giấy vay ngày 25/3/2018 bà V không thừa nhận bà vay, ông S cũng cho rằng đối với giấy vay ngày 25/3/2018 ông vay là sử dụng vào việc riêng không liên quan gì đến bà Vóc. HĐXX xét thấy: Ông S và bà V là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, việc bà V không thừa nhận khoản vay 25/3/2018 mà ông S vay ông sử dụng vào việc riêng bà V không biết. Do đó, buộc ông S phải trả cho bà Ph ngoài khoản nợ ông vay cùng bà V ông còn phải trả khoản nợ vay ngày 25/3/2018 với số tiền 63.000.000 đồng.

Về lãi suất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Do ông S và bà V đề nghị được trả dần, Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ph không chấp nhận phương án trả dần mà đề nghị ông bà phải trả toàn bộ số tiền nợ trên do đó không có căn cứ để chấp nhận phương án trả nợ dần của ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V.

Buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải thanh toán cả tiền gốc theo yêu cầu của bà Ph là 63.000.000 đồng đối giấy vay ngày 04/7/2019; Ngoài ra buộc ông S phải trả tiếp giấy vay ngày 25/3/2018 là 60.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng ông bà thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 266; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 424; khoản 2 Điều 427 ; Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Hoàng Thị Ph .

2. Buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà Hoàng Thị Ph số tiền là: 63.000.000 đồng của giấy vay 04/7/2019. Ngoài ra ông S còn phải trả cho bà Ph số tiền 60.000.000 đồng của giấy vay ngày 25/3/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Hoàng Thị Ph có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự thi hành toàn bộ số tiền trên, nếu chưa thi hành án, hàng tháng ông S, bà V còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền phải thi hành, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng ông bà thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí là 3.075.000 đồng cho bà Hoàng Thị Ph theo biên lai thu số 003673 ngày 21/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Lê Thị Phương

